TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 30-3-2023.
"V/v Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị Võ Lệ M và anh Nguyễn Hùng C"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bạch Linh.

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Pha - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Kương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 320/2022/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 10 năm 2022, về "Ly hôn; tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2023, và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Lệ M, sinh năm 1970; Nơi thường trú: Số 108, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ liên hệ: Số 38, KDC Chợ Đ, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Chị M có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thái N; Địa chỉ: Số 01B Đường D, phường 8, quận P, thành phố Hồ Chí Minh, Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Thái N thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh; Ông N có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hùng C, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số 108, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Anh C vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Lệ M trình bày:

Chị M và anh C được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, đến ngày 29/9/2007 chị M và anh C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 106, ngày 29/9/2007. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh C có người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cãi vả, nhiều lần dẫn đến việc xô xát nhau, nhưng chị M không biết người phụ nữ đó và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập. Anh C ăn chơi cờ bạc nhiều lần không có trách nhiệm với gia đình. Đến tháng 02/2021, vợ chồng chị M, anh C thật sự không còn sống chung. Hiện nay, chị M xác định vợ chồng không thể tiếp tục sống chung do mâu thuẫn trầm trọng nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc.

Quá trình sống chung chị M và anh C có 03 con chung tên Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 20/7/1994, Nguyễn Hữu N, sinh ngày 25/5/1996 và Nguyễn Thị Ngọc G, sinh ngày 05/3/2006. Hiện cháu N và cháu N đã trưởng thành, có khả năng lao động, cháu G đang sống cùng và do chị M trực tiếp nuôi dưỡng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Võ Lệ M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị M cho rằng chị M không còn tình cảm với anh Nguyễn Hùng C, nên chị M yêu cầu ly hôn với anh C; Về con chung, chị M yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Ngọc G, chị M không yêu cầu anh C có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung tên G cùng chị M. Đối với 02 (hai) con chung tên Nguyên và Nhân đã thành niên có khả năng lao động nên chị M không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung, chị M không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Hùng C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, bản photo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn và các văn bản tố tụng khác. Nhưng bị đơn không gửi văn bản ghi ý kiến cho Tòa án. Đồng thời anh C cũng không có mặt tại Tòa án khi được Tòa án triệu tập hợp lệ để giải quyết vụ án, cũng như tham gia phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu:

Chị Võ Lệ M và anh Nguyễn Hùng C là vợ chồng có đăng ký kết hôn đúng trình tự thủ tục nên là hôn nhân hợp pháp. Do tính cách vợ chồng chị M và anh C không hợp nhau, anh C là người thiếu trách nhiệm nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Chị M nhiều lần cố gắng khuyên can mong muốn anh C sửa đổi tính tình để hàn gắn tình cảm và tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh C không có thiện chí nên kết quả không được như mong muốn. Đến nay, vợ chồng vẫn không sống chung, mâu thuẫn đã trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị M được ly hôn với anh C; Giao con chung tên Nguyễn Thị Ngọc G, sinh ngày 05/3/2006 cho chị M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chị M không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu G. Về các con chung Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày

20/7/1994, Nguyễn Hữu N, sinh ngày 25/5/1996 đã trưởng thành có khả năng lao động; và về tài sản chung, nợ chung không đề nghị giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định về thụ lý, giải quyết vụ án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng các quy định về xét xử sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân, chị Võ Lệ M được ly hôn với anh Nguyễn Hùng C; Về con chung, chị M được trực tiếp nuôi con; Cấp dưỡng không xem xét; Tài sản chung, nợ chung không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Võ Lệ M xin ly hôn anh Nguyễn Hùng C là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị M và anh C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do anh C có địa chỉ thường trú tại 108, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với anh C là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh C vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh C là phù hợp với quy định tại các Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Việc chị Võ Lệ M và anh Nguyễn Hùng C đăng ký kết hôn vào ngày 29/9/2007 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp có Giấy chứng nhận kết hôn số 106, ngày 29/9/2007 của Ủy ban nhân dân xã B là chứng cứ chứng minh. Vì thế, có đủ cơ sở để xác định việc đăng ký kết hôn của chị M và anh C đã đảm bảo các điều kiện kết hôn và tuân thủ quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm đăng ký kết hôn, nên được Tòa án công nhận là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác."

Tuy nhiên, sau khi cưới chị M và anh C sống chung hạnh phúc một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, đến tháng 02/2021 vợ chồng không còn sống chung và quan tâm nhau, cho đến nay vẫn không thể hàn gắn được tình cảm. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu nhau, giữa anh C và chị M thiếu sự tin tưởng, nên thường xuyên mâu thuẫn. Do không còn tình cảm với anh C nên chị M đã thực hiện quyền yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình.

Khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh C tại địa chỉ mà chị M đã cung cấp trong đơn khởi kiện. Anh C cũng được Tòa án thông báo toàn bộ nội dung yêu cầu của chị M trong vụ án, cũng như thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 13/02/2023 của Tòa án đối với vụ án. Nhưng anh C không cung cấp ý kiến phản bác, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì và cũng không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại các điều 91, 96 Bộ luật tố tụng dân sự. Mọi hậu quả pháp lý từ việc vắng mặt và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh của mình, anh C phải tự chịu. Hành động của anh C còn cho thấy anh C không quan tâm đến cuộc hôn nhân này và cũng không có thiện chí đoàn tụ để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình cùng chị M. Từ đó, xác định chị M và anh C đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định nêu trên đã đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Võ Lệ M để cho vợ chồng chị M và anh C ly hôn là phù hợp với quy tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Tòa án đã thông báo đầy đủ nội dung vụ án bao gồm lời trình bày của chị M về con chung của vợ chồng, anh C đã không đưa ra ý kiến phản bác trong suốt quá trình giải quyết vụ án cho thấy đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, đủ căn cứ để xác định chị M và anh C có 03 (ba) con chung tên Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 20/7/1994, Nguyễn Hữu N, sinh ngày 25/5/1996 và Nguyễn Thị Ngọc G, sinh ngày 05/3/2006. Hiện cháu N và cháu N đã thành niên có khả năng lao động và do chị M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Riêng cháu G đang sống cùng và do chị Võ Lê Mai trực tiếp nuôi dưỡng. Khi sống chung với chị M cháu G vẫn phát triển bình thường. Chị M yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu G. Anh C không có ý kiến phản đối, hiện con chung đang sống cùng và do chị M trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M về nuôi con chung. Cụ thể giao con chung là cháu G cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng của cháu G và đảm bảo được sự ổn định về điều kiện sống của cháu.

Do chị M không yêu cầu anh C có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi cháu G cùng chị M và anh C cũng không có ý kiến gì về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét về chi phí đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung của chị M và anh C.

Dù không là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng anh C vẫn có các quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 81; có các nghĩa vụ và quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn được quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Về quyền và căn cứ yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản: Do chị Võ Lệ M và anh Nguyễn Hùng C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Do chị Võ Lệ M và anh Nguyễn Hùng C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét lời phát biểu của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[7] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị Võ Lệ M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo thực hiện theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Các điều 28, 35, 39, 91, 96, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Võ Lệ M và anh Nguyễn Hùng C.

2. Về nuôi con chung:

Đối với 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 20/7/1994, Nguyễn Hữu N, sinh ngày 25/5/1996 đã thành niên có khả năng lao nên không xem xét giải quyết.

Giao con chung tên Nguyễn Thị Ngọc G, sinh ngày 05/3/2006 cho chị Võ Lệ M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng (hiện cháu G đang do chị M trực tiếp nuôi

dưỡng). Chị M không yêu cầu anh C có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung tên G cùng chị M.

Người trực tiếp nuôi con và các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người không trực tiếp nuôi không được lạm dụng việc chăm nom gây khó khăn, cản trở việc trực tiếp chăm sóc giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Chị Võ Lệ M phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013841 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L (Chị M đã nộp đủ án phí).

Chị Võ Lệ M có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Hùng C có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- CC.THADS huyện L;
- UBND xã B;
(GCNKH số 106 ngày 29/9/2007)
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hà Thị Mỹ Xuân